

# KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

## ĐỘ TUỔI 24 - 36 THÁNG TUỔI

### I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

| Mục tiêu giáo dục                                                   |                                                                                         | Nội dung giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Thực hiện trong chủ đề |
|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| TT                                                                  | Mục tiêu                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                        |
| 1. Lĩnh vực phát triển thể chất                                     |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                        |
| 1.1 Phát triển vận động                                             |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                        |
| a. Thực hiện động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp                  |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                        |
| 1                                                                   | Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường cần đạt cuối độ tuổi        | <b>* Trẻ 24 tháng tuổi</b><br>- Cân nặng của trẻ<br>+ Trẻ trai: 9,7 – 15,3 kg<br>+ Trẻ gái: 9,1 – 14,8Kg.<br>-Chiều cao của trẻ<br>+ Trẻ trai: 81,7 – 93,9 cm<br>+ Trẻ gái: 80,0 – 92,9 cm.<br><b>* Trẻ 36 tháng tuổi</b><br>- Cân nặng của trẻ<br>+ Trẻ trai: 11,3 – 18,3 kg<br>+ Trẻ gái: 10,8 – 18,1Kg.<br>-Chiều cao của trẻ<br>+ Trẻ trai: 88,7 – 103,5 cm<br>+ Trẻ gái: 87,4 – 102,7 cm.                                                                                                                                                        | 9                      |
| b. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                        |
| 2                                                                   | Trẻ biết thực hiện được các động tác trong bài thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân | - Hô hấp: Hít vào, thở ra<br>- Tay: Cơ tay và bả vai<br>+ Hai tay giơ lên cao, hạ xuống.<br>+ Hai tay đưa sang ngang, hạ xuống.<br>+ Hai tay đưa về phía trước – đưa về phía sau kết hợp với lắc bàn tay.<br>+ Một tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau.<br>- Lưng, bụng, lườn:<br>+ Nghiêng người sang 2 bên phải, trái.<br>+ Vận người sang 2 bên phải, trái.<br>+ Cúi người xuống, đứng thẳng người lên.<br>+ Ngửa người ra phía sau.<br>- Chân:<br>+ Ngồi xuống, đứng lên.<br>+ Co duỗi từng chân.<br>+ Đứng nhún chân.<br>+ Bật tại chỗ. | 1-> 9                  |
| 3                                                                   | Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh -                  | - Đi theo hiệu lệnh<br>- Đi trong đường hẹp<br>- Đi có mang vật trên tay                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3<br>2<br>1            |

|   |                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                          |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
|   | chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy theo hướng thẳng</li> <li>- Đứng co 1 chân</li> <li>- Đi bước qua gậy kê cao</li> <li>- Đi theo đường ngoằn ngoèo</li> <li>- Đi kết hợp với chạy</li> <li>- Đi bước vào các ô</li> <li>- Bước lên xuống bậc có vịn</li> <li>- Chạy đổi hướng</li> <li>- Bước lên xuống bậc cao 15cm</li> <li>- Bước lên xuống bậc (5-7 bậc)</li> <li>- Bước qua vật cản</li> <li>- Bật tại chỗ</li> </ul> | 8<br>7<br>5<br>8<br>6<br>4<br>5<br>7<br>9<br>6<br>3<br>1 |
| 4 | Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay – mắt tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1->1,2m.                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung bóng bằng hai tay</li> <li>- Tung bóng qua dây</li> <li>- Tung – bắt bóng cùng cô</li> <li>- Ném bóng về phía trước</li> <li>- Ném bóng vào đích</li> <li>- Ném vào đích xa 1 – 1,2m</li> </ul>                                                                                                                                                                                           | 6<br>5<br>2<br>1,9<br>8<br>9                             |
| 5 | Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bò thẳng hướng theo đường hẹp</li> <li>- Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng</li> <li>- Bò qua vật cản</li> <li>- Trườn chui qua cổng</li> <li>- Trườn qua vật cản</li> <li>- Bò theo đường ngoằn ngoèo</li> <li>- Bò theo đường đích dắc</li> <li>- Bò chui qua cổng</li> </ul>                                                                                                              | 1<br>7<br>3<br>5<br>7<br>6<br>4<br>2                     |
| 6 | Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, <i>nhún bật</i> đá bóng: Ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m). | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật qua vạch kẻ</li> <li>- Bật xa bằng 2 chân</li> <li>- Bật qua các vòng</li> <li>- Nhún bật về phía trước</li> <li>- Ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                            | 3<br>4<br>6,9<br>2<br>4                                  |

### c. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay

|   |                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |       |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 7 | Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.                                                                               | - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay vào nhau, rót, nhào, khuấy, đào, vò xé.                                                                                                                                                                                                        | 1-> 9 |
| 8 | Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng cọc bàn gỗ.</li> <li>- Nhón nhặt đồ vật.</li> <li>- Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây.</li> <li>- Chắp ghép hình.</li> <li>- Chồng, xếp 6-8 khối.</li> <li>- Tập cầm bút tô, vẽ.</li> <li>- Lật mở trang sách.</li> </ul> | 1-> 9 |

## 1.2 Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

### a. Có một số nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt

|   |                           |                                     |  |
|---|---------------------------|-------------------------------------|--|
| 9 | Trẻ thích nghi với chế độ | - Làm quen với chế độ ăn cơm và các |  |
|---|---------------------------|-------------------------------------|--|

|    |                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|    | ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau                                                                                  | loại thức ăn khác nhau.<br>.- Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống.<br>- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, uống, vệ sinh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1,2,3   |
| 10 | Trẻ ngủ một giấc buổi trưa                                                                                                  | - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1,2,3   |
| 11 | Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định                                                                                       | - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1,2,3   |
| 12 | Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)                                        | - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.<br>- Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống;<br>- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.<br>- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.<br>- Tập tự phục vụ:<br>+ Xúc cơm, uống nước.<br>+ Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.<br>+ Chuẩn bị chỗ ngủ. | 2-> 9   |
| 13 | Trẻ chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng; Đi giày dép; Mặc quần áo ấm khi trời lạnh.                                               | - Tập tự phục vụ:<br>+ Đội mũ khi ra nắng, mặc quần áo ấm khi trời lạnh.<br>+ Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2,5,8   |
| 14 | Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.            | - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm ( <i>Bếp ga, bếp điện, ấm điện, phích nước nóng, ...</i> ), những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. ( <i>Bếp đang đun, xô nước, giếng, ao hồ, sông suối, cây to, cột điện...</i> )                                                                                                                                                                                                                                        | 1,3,5,7 |
| 15 | Trẻ biết và phòng tránh 1 số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở. | - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh ( <i>chơi nghịch các vật sắc nhọn, trèo cây, chơi ở lòng đường xe chạy, đùa nghịch trên xe...</i> )<br>- Nhận biết phương tiện báo động cháy                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1,3,8,9 |

## 2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

### a. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan.

|    |                                                                             |                                                                                                                 |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 16 | Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm của đối tượng. | - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.<br>- Nghe và nhận biết âm thanh của 1 số đồ vật, tiếng kêu của 1 số con vật quen |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                 |
|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|  |  | thuộc.<br>- Sờ nắn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.<br>- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết để nhận biết cứng - mềm, trơn, (nhẵn)- xù xì.<br>- Nếm vị của 1 số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua)<br>- Một số hiện tượng tự nhiên: Mưa đá, sạt lở đất, lũ lụt...<br>- Ảnh hưởng của thiên tai đối với cây cối, hoa quả...<br>- Ảnh hưởng của thiên tai đối với con vật về môi trường sống, thức ăn | 1,2,3,4,5,6,7,8 |
|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|

**b. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi.**

|    |                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                |           |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 17 | Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.                     | - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.<br>- Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và nhóm/ lớp phù hợp với địa phương. | 1,2,3,9   |
| 18 | Trẻ nói được tên bản thân và những người gần gũi khi được hỏi. <i>(Trẻ có thể nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi, giới tính))</i> | - Tên và 1 số đặc điểm bên ngoài của bản thân.<br>- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.<br>- Tên cô giáo và các bạn, nhóm, lớp.      | 1,2,3     |
| 19 | Trẻ nói được tên và chức năng một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.                                                                            | - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.                                                                             | 2         |
| 20 | Trẻ nói được tên và 1 số đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.                                                       | - Tên và 1 số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc.<br>- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của PTGT gần gũi phù hợp với địa phương.           | 4,5,6,7,8 |
| 21 | Trẻ chỉ/ nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ xanh/ vàng theo yêu cầu.                                                             | - Màu đỏ, màu xanh, vàng.<br>- Số lượng (Một - nhiều).                                                                                                         | 2-> 8     |
| 22 | Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu.                                                                   | - Kích thước (to, nhỏ).                                                                                                                                        | 3         |
| 23 | <i>Trẻ biết được một số khái niệm sơ đẳng về toán: Kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian.</i>                             | - Hình tròn, vuông.<br>- Vị trí trong không gian (Trên, dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ.                                                                 | 5,6,7     |

**3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ**

|                                                        |                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |       |
|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| <b>a. Nghe hiểu lời nói.</b>                           |                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |       |
| 24                                                     | Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!”.                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.</li> <li>- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.</li> <li>- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.</li> </ul>                                                                | 8, 9  |
| 25                                                     | Trẻ trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”; “Cái gì đây?”; “... làm gì?”; “... thế nào?” (Ví dụ: “Con gà gáy thế nào?”...).                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”.</li> <li>- Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “...thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?”...</li> </ul>                                                | 1-> 9 |
| 26                                                     | Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.</li> <li>- Lắng nghe khi người lớn đọc sách.</li> <li>- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.</li> <li>- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.</li> </ul> | 2-> 9 |
| <b>b. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu.</b> |                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |       |
| 27                                                     | Trẻ phát âm rõ tiếng<br>Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao dưới sự giúp đỡ của cô giáo.                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm các âm khác nhau</li> <li>- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn 3-4 tiếng.</li> <li>- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.</li> </ul>                                                                          | 1-> 9 |
| <b>c. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp.</b>               |                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |       |
| 28                                                     | Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.                                                                         | - Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.                                                                                                                                                                                                                      | 4,9   |
| 29                                                     | Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:<br>+ Chào hỏi, trò chuyện<br>+ Bày tỏ nhu cầu của bản thân.<br>+ Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”; “Cái gì đây?” | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm hành động quen thuộc trong giao tiếp.</li> <li>- Trả lời và đặt câu hỏi “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “...thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?”...</li> </ul>                                              | 2-> 9 |
| 30                                                     | Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.                                                                                                                                                      | - Sử dụng các từ thể hiện lễ phép khi nói chuyện với người lớn.                                                                                                                                                                                                                                  | 3,6   |
| <b>4. Lĩnh vực phát triển TC&amp;KNXH và thẩm TM</b>   |                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |       |
| <b>a. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân.</b>            |                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |       |
| 31                                                     | Trẻ có thể nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi, giới tính).                                                                                                              | - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.                                                                                                                                                                                                                                         | 2     |

|                                                                         |                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                         |            |
|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 32                                                                      | Trẻ biết thể hiện những điều mình thích và không thích.                                                                                                                                                 | - Nhận biết được 1 số đồ dùng đồ chơi yêu thích của mình                                                                                                                | 2          |
| <b>b. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi.</b> |                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                         |            |
| 33                                                                      | Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.                                                                                                                                | - Giao tiếp với những người xung quanh.                                                                                                                                 | 2,3,9      |
| 34                                                                      | Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.<br>Trẻ biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.                                                                                 | - Nhận biết và thể hiện 1 số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận<br>- Thể hiện được một số cảm xúc.<br>- Vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.             | 3,5        |
| 35                                                                      | Trẻ biểu lộ sự thân thiện với 1 số con vật quen thuộc/ gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi.                                                                                                               | - Quan tâm đến các con vật nuôi                                                                                                                                         | 4          |
| <b>c. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản.</b>                            |                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                         |            |
| 36                                                                      | Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn ạ, vâng ạ.                                                                                                                                                              | - Thực hiện 1 số hành vi văn hóa trong giao tiếp chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ dạ, vâng ạ, chơi cạnh bạn không cầu bạn.                                                 | 2,3        |
| 37                                                                      | Trẻ biết thể hiện 1 số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).                                                                           | - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi                                                                                                                                          | 2->9       |
| 38                                                                      | Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.                                                                                                                                                                 | - Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn không tranh dành đồ dùng, đồ chơi của bạn                                                                                      | 1->9       |
| 39                                                                      | Trẻ biết thực hiện 1 số yêu cầu của người lớn.                                                                                                                                                          | - Thực hiện 1 số yêu cầu đơn giản của giáo viên.<br>- Thực hiện 1 số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ dùng vào nơi quy định. | 5,6,7,8, 9 |
| 40                                                                      | Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.<br><i>Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy lắc lư theo bài hát-bản nhạc và nghe các dụng cụ âm nhạc.</i> | - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.<br>- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ.                                          | 1-> 9      |
| 41                                                                      | Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).                                                                                                                   | - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình.<br>- Xem tranh.                                                                                            | 1-> 9      |

## II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

| Thời gian                    | STT | Chủ đề                                                     | Chủ đề nhánh                                                                                                                                                                                                                      | Số tuần          | Lễ/hội                          | ĐC BS |
|------------------------------|-----|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------|-------|
| Từ ngày 8/9 đến 03/10/2025   | 1   | Trường mầm non                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp học của bé</li> <li>- Các bạn của bé</li> <li>- Bé biết nhiều thứ</li> <li>- Tết trung thu</li> </ul>                                                                                | 1<br>1<br>1<br>1 | Ngày hội đến trường của bé 05/9 |       |
| Từ ngày 06/10 đến 31/10/2025 | 2   | Bé giới thiệu về mình                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bé là ai</li> <li>- Cơ thể kỳ diệu bé</li> <li>- Đồ dùng đồ chơi cá nhân của bé</li> <li>- Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh</li> </ul>                                                  | 1<br>1<br>1<br>1 |                                 |       |
| Từ ngày 03/11 đến 28/11/2025 | 3   | Gia đình thân yêu của bé<br>- Ngày Nhà giáo việt Nam 20/11 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gia đình của bé</li> <li>- Gia đình của bé</li> <li>- Ngày hội của cô giáo</li> <li>- Đồ dùng gia đình của bé</li> </ul>                                                                 | 1<br>1<br>1<br>1 | - Ngày NGVN 20/11               |       |
| Từ ngày 1/12 đến 26/12/2025  | 4   | Những con vật đáng yêu                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Con vật nuôi trong gia đình (Con 2 chân)</li> <li>- Con vật nuôi trong gia đình (Con 4 chân)</li> <li>- Những con vật sống trong rừng</li> <li>- Những con vật sống dưới nước</li> </ul> | 1<br>1<br>1<br>1 |                                 |       |
| Từ ngày 29/12 đến 23/1/2026  | 5   | Cây và những bông hoa đẹp                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cây xanh</li> <li>- Một số loại hoa</li> <li>- Một số loại quả</li> <li>- Bé thích rau gì</li> </ul>                                                                                     | 1<br>1<br>1<br>1 |                                 |       |
| Từ ngày 26/1- 6/3/ 2026      | 6   | Ngày tết vui vẻ                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mùa xuân đến rồi</li> <li>- Hoa quả ngày tết</li> <li>- Ngày tết vui vẻ</li> <li>- Bé thêm một tuổi</li> </ul>                                                                           | 1<br>1<br>2<br>1 | - Tết nguyên đán (1/1 âm lịch)  |       |
| Từ ngày 9/3 đến 3/4/2026     | 7   | Bé đi khắp nơi bằng phương tiện gì                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày hội 8/3</li> <li>- Một số phương tiện giao thông đường bộ</li> <li>- Một số phương tiện giao thông đường thủy</li> <li>- Máy bay- tàu hỏa</li> </ul>                                | 1<br>1<br>1<br>1 | - Ngày QTPN 8/3.                |       |
| Từ ngày 6/4 đến 1/5/ 2026    | 8   | Mùa hè đến rồi                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời tiết mùa hè</li> <li>- Trang phục mùa hè</li> <li>- Bé làm được gì trong mùa hè.</li> </ul>                                                                                         | 1<br>1<br>1      |                                 |       |
|                              | 9   | Bé lên mẫu                                                 | - Bé lên mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                 | 2                | - Sinh nhật                     |       |

|                                  |  |               |          |            |                                   |  |
|----------------------------------|--|---------------|----------|------------|-----------------------------------|--|
| Từ ngày<br>4/5 đến<br>22/5/ 2026 |  | giáo - Bác Hồ | - Bác Hồ | 1          | Bác 19/5<br>- Tổng kết<br>năm học |  |
| Tổng số                          |  |               |          | 35<br>tuần |                                   |  |

**BAN GIÁM HIỆU KÝ DUYỆT**  
*(Ký tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Thị Thu Hương**